

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HS-ST

Ngày 20-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Quang
Bà Trần Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST- HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn V, sinh năm 1985; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nam Định; ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm Địch Giáo Đông, xã Giao T, huyện Giao Th, tỉnh Nam Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do Học vấn: 12/12; Con ông: Trần Văn Kh, sinh năm 1959; Con bà: Đỗ Thị T, sinh năm 1961; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ : Nguyễn Thị H, sinh năm 2005; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2012 (là con chung với vợ thứ nhất Phùng Thị Thủy, đã ly hôn) và con nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo Trần Văn V bị bắt khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 11/10/2024 sau đó chuyển tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Nam Định từ ngày 14/11/2024. Đến ngày 14/12/2024 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

2. Họ và tên: Đỗ Đức Đ, sinh năm 1999; Giới tính: Nam; Nơi sinh: Nam Đ; ĐKKHKT, chỗ ở: Xóm Bình Di Tây, xã Giao Thịnh, huyện Giao T, tỉnh Nam Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Học

vấn: 12/12; Con ông: Đỗ Văn H, sinh năm 1967; Con bà: V Thị Ng, sinh năm 1972; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

1- Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1969

Trú tại: Xóm Duyên Thọ, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

2- Anh Phạm Văn S, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm 5, xã Giao Y, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Đ

3- Chị Đặng Thị M, sinh năm 1980

Trú tại: Xóm Thanh Trì, xã Giao Th, huyện Giao Th, tỉnh Nam Đ.

4- Anh Trần Văn T, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm Thanh Trì, xã Giao Thịnh, huyện Giao Th, tỉnh N.

5- Anh Cao Quang Đ, sinh năm 1988

Trú tại: Xóm Tiên Phong, xã Giao Phong, huyện Giao Th, tỉnh N.

6- Anh Hà Văn Q, sinh năm 1993

Trú tại: Xóm Lâm H, xã Giao Ph, huyện Gi Th, tỉnh Nam Đ.

Tại phiên tòa: Các bị cáo có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2022, Trần Văn V sinh năm: 1985, trú tại: xóm Địch Giáo Đông - xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định không có việc làm ổn định nên đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao từ 4.000đ/1 triệu/ngày đến 6.000đ/1 triệu/ngày (tương đương 146%/năm đến 219%/năm). Tháng 6/2023, V thuê Đỗ Đức Đ, sinh năm: 1999, trú tại: xóm Bình Di Tây - xã Giao Thịnh - huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định giúp sức cho V trong hoạt động cho vay lãi nặng nhằm thu lợi bất chính. V giao cho Đ nhiệm vụ tìm kiếm người vay tiền, đôn đốc thu tiền lãi, tiền gốc, sau đó giao lại cho V quản lý. Khi có người vay tiền, V là người bỏ vốn, trực tiếp chuyển tiền cho vay hoặc chuyển cho Đ để Đ cho người đó vay. Đối với số tiền lãi Đ thu được, V sẽ trích một phần tiền lãi để trả công cho Đ trên số tiền lãi đã thu được của khách vay. Quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, V sử dụng số thuê bao 0565.458.888, tài khoản Zalo

tên: “*Bia Tuệ Minh*”; còn Đ sử dụng số thuê bao 0943.635.231, tài khoản Zalo tên “*Đại Phát*”. V, Đ thực hiện giao dịch cho vay tiền và thu lãi là trực tiếp bằng tiền mặt hoặc qua tài khoản Ngân hàng MBbank số 0565458888, tài khoản ngân hàng VietinBank số 108315458888, 102848745555, 101869453292 của Trần Văn V và tài khoản ngân hàng Vietinbank số 0943635231, của Đỗ Đức Đ.

Quá trình điều tra xác định Trần Văn V cho 6 trường hợp trên địa bàn huyện Giao Thủy vay tiền với lãi suất cao trong đó Đỗ Đức Đ tham gia cùng V cho 03 người vay tiền với lãi suất cao (BL236 -253) gồm:

1.Trường hợp thứ nhất: chị Đoàn Thị H, sinh năm: 1969, trú tại: xóm Duyên Thọ, xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định: Ngày **26/7/2022**, chị H vay của V số tiền **130.000.000đ** với lãi suất 4.000đ/01triệu/01ngày (tương đương 146%/năm), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định là 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. Đến ngày **02/11/2022**, chị H đã trả hết số tiền gốc vay và tiền lãi cho V được 03 tháng 7 ngày tiền lãi (tương đương 97 ngày) là **50.440.000đ**.

Theo quy định của Điều 468 BLDS 2015 lãi xuất do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm. Như vậy số tiền lãi thực tế mà Trần Văn V đã thu ở mức lãi xuất cao nhất là 20%/năm của khoản tiền vay (tức tiền gốc): là $(20\% \times 130.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 97 \text{ ngày} = \mathbf{6.909.589\text{đ}}$. Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm hình sự trong trường hợp này là: $50.440.000\text{đ} - 6.909.589\text{đ} = \mathbf{43.530.411\text{đ}}$

(Việc xác định số tiền thu lợi bất chính được áp dụng theo cách tính trên đối với các trường hợp vay khác).

2.Trường hợp thứ 2 : anh Phạm Văn S, sinh năm: 1993, trú tại: xóm 5 xã Giao Yên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Lần 1: Đầu tháng **7/2024**, Anh Sơn vay của V số tiền 20.000.000đ với lãi suất là 6.000đ/1 triệu/ngày (tương đương 219%/năm), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. Anh Sơn vay V 3 tháng tiền lãi là 10.800.000đ, anh Sơn đã trả 7.600.000đ và xin nợ lại V 3.200.000đ tiền lãi. Sau đó, V thỏa thuận không thu tiền lãi của các ngày tiếp theo và yêu cầu Sơn trả tiền gốc vay. Đến nay, anh Sơn chưa trả tiền gốc vay là 20.000.000đ cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay này là $(20\% \times 20.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = \mathbf{986.301\text{đ}}$.

Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $10.800.000\text{đ} - 986.301\text{đ} = \mathbf{9.813.699\text{đ}}$; Lần 2: Đầu tháng **9/2024**, anh Sơn vay V số tiền 10.000.000đ với lãi suất là 6.000đ/1 triệu/ngày (tương đương 219%/năm), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày). V đã trừ trước tiền lãi 01 tháng là **1.800.000đ** và chuyển cho Sơn **8.200.000đ**. Sau đó, V thỏa thuận không thu

tiền lãi của các ngày tiếp theo và đề nghị Sơn trả tiền gốc. Đến nay, anh Sơn chưa trả tiền gốc vay là 10.000.000đ cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay là $(20\% \times 10.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = \mathbf{164.383\text{đ}}$.

Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $1.800.000\text{đ} - 164.383\text{đ} = \mathbf{1.635.617\text{đ}}$.

Do đó, tổng số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự trong 2 lần cho anh Sơn vay tiền là: $\mathbf{9.813.699\text{đ} + 1.635.617\text{đ} = 11.449.316\text{đ}}$. Đến nay, anh Sơn chưa trả tiền gốc vay là 30.000.000đ cho V.

3. Trường hợp thứ 3 : chị Đặng Thị M, sinh năm: 1980, trú tại: xóm Thanh Trì, xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy , tỉnh Nam Định: Lần 1: Ngày **30/4/2024**, chị Mai vay V số tiền 20.000.000đ. V đã trừ tiền lãi 01 tháng là **3.200.000đ** và chuyển cho chị Mai số tiền **16.800.000đ**, thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày). V tính lãi với chị Mai là 5.333đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 194,6%/năm). Sau đó, trong tháng 5/2024 chị Mai đã trả toàn bộ tiền vay gốc 20.000.000đ cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay là $(20\% \times 20.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = \mathbf{328.767\text{đ}}$.

Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $3.200.000\text{đ} - 328.767\text{đ} = \mathbf{2.871.233\text{đ}}$; Lần 2: Ngày **20/7/2024**, chị Mai vay V số tiền 20.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/01 triệu/ngày (tương đương 146%/năm), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày). Chị Mai đã trả 02 tháng tiền lãi cho V với số tiền là $2.400.000\text{đ} \times 2 \text{ tháng} = \mathbf{4.800.000\text{đ}}$. Sau đó, V thỏa thuận không thu tiền lãi của các ngày tiếp theo và yêu cầu chị Mai trả tiền gốc nhưng đến nay chị Mai chưa trả tiền gốc vay 20.000.000đ cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay là $(20\% \times 20.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = \mathbf{657.534\text{đ}}$.

Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $4.800.000\text{đ} - 657.534\text{đ} = \mathbf{4.142.466\text{đ}}$; Lần 3: Ngày **25/7/2024**, chị Mai vay V 20.000.000đ với lãi suất là 5.000đ/01 triệu/ngày (tương đương 182,5%/năm), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày). Chị Mai đã trả 02 tháng tiền lãi cho V với số tiền là $3.000.000\text{đ} \times 2 \text{ tháng} = \mathbf{6.000.000\text{đ}}$. Sau đó, V thỏa thuận không thu tiền lãi của các ngày tiếp theo và đề nghị chị Mai trả tiền gốc nhưng đến nay chị Mai chưa trả tiền gốc vay 20.000.000đ cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay là $(20\% \times 20.000.000\text{đ}) : 365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = \mathbf{657.534\text{đ}}$.

Số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $6.000.000\text{đ} - 657.534\text{đ} = \mathbf{5.342.466\text{đ}}$.

Đến nay, chị Mai còn nợ V 40.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền V thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự trong 03 lần cho chị Mai vay tiền nêu trên là: **12.356.165đ**

4. Trường hợp thứ 4: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1984, trú tại: xóm Thanh Trì, xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Ngày 07/9/2023, Đ thông báo cho V biết việc Tú có nhu cầu vay 50.000.000đ với lãi suất 6.000đ/triệu/ngày (tương đương **219%/năm**), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. V đồng ý, chuyển cho Đ số tiền 50.000.000đ để Đ làm thủ tục cho anh Tú vay số tiền trên. Tính đến tháng **3/2024**, anh Tú đã trả 06 tháng tiền lãi cho Đ với số tiền là **52.000.000đ** (trong đó có 2.000.000đ Đ phạt do anh Tú nộp tiền lãi chậm); anh Tú đã xin nợ **4.000.000đ tiền** lãi của tháng 2/2024 và tiền lãi tháng 4/2024 là 9.000.000đ. Sau đó, V, Đ thỏa thuận không thu tiền lãi của các ngày tiếp theo, yêu cầu anh Tú trả tiền gốc vay. Ngày 14/4/2024, anh Tú đã trả 50.000.000đ tiền gốc cho Đ và xin nợ lại tiền lãi là **13.000.000đ**.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong trường hợp này là: $(20\% \times 50.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 210 \text{ ngày} = \mathbf{5.753.424đ}$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $65.000.000đ - 5.753.424đ = \mathbf{59.246.576đ}$.

5. Trường hợp thứ 5: Anh Cao Quang Đ, sinh năm: 1988, trú tại: xóm Tiền Phong, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

Lần 1: Ngày 20/8/2024, Đ thông báo cho V biết việc anh Đăng hỏi vay 20.000.000đ với lãi suất là 6.000đ/triệu/ngày (tương đương **219%/năm**), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. V đã trừ luôn tiền lãi 1 tháng đầu là 3.600.000đ và đưa cho Đ số tiền 16.400.000đ để Đ chuyển cho anh Đăng vay. Anh Đăng đã trả thêm cho Đ 01 tháng tiền lãi là 3.600.000đ và còn nợ Đ 20.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay này là: $(20\% \times 20.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 60 \text{ ngày} = \mathbf{657.534đ}$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $7.200.000đ - 657.534đ = \mathbf{6.542.466đ}$

Lần 2: Ngày 21/9/2024, Đ thông báo cho V biết việc anh Đăng hỏi vay 10.000.000đ với lãi suất là 6.000đ/triệu/ngày (tương đương **219%/năm**), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. V đã trừ lãi suất 01 tháng đầu là 1.800.000đ, đưa cho Đ số tiền 8.200.000đ để Đ chuyển cho anh Đăng vay. Đến nay, Đăng chưa trả 10.000.000đ tiền gốc cho Đ.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay này là: $(20\% \times 10.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = \mathbf{164.383đ}$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $1.800.000đ - 164.383đ = 1.635.617đ$

Đến nay, anh Đăng còn nợ V và Đ là 30.000.000đ tiền gốc. Tổng số tiền V, Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $6.542.466đ + 1.635.617 = 8.178.083đ$

6. Trường hợp thứ 6: Anh Hà Văn Q, sinh năm: 1993, trú tại: xóm Lâm Hải, xã Giao Phong, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/6/2024, Đ thông báo cho V biết việc anh Quân hỏi vay 20.000.000đ, với lãi suất là 6.000đ/1triệu/1 ngày (tương đương **219%/năm**), thỏa thuận 01 tháng đóng lãi 1 lần (quy định 1 tháng là 30 ngày), có thể đóng trước hoặc sau. V đưa cho Đ số tiền 16.400.000đ để Đ chuyển cho anh Đăng vay, đã cắt tiền lãi tháng đầu là 3.600.000đ. Anh Quân đã trả thêm cho Đ được 02 tháng tiền lãi 7.200.000đ. Tổng tiền lãi anh Quân đã trả cho V và Đ là 10.800.000đ. Sau đó, V, Đ thỏa thuận không thu tiền lãi của các ngày tiếp theo và yêu cầu anh Quân trả tiền gốc. Đến nay, anh Quân chưa trả Đ 20.000.000đ tiền gốc cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay này là: $(20\% \times 20.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 90 \text{ ngày} = 986.301đ$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $10.800.000đ - 986.301đ = 9.813.699đ$

Ngày 11/9/2024, anh Quân trả 10.000.000đ tiền gốc và đóng 01 tháng tiền lãi của số tiền 10.000.000đ còn lại là 1.800.000đ cho Đ. Đến nay, anh Quân chưa trả Đ 10.000.000đ tiền gốc cho V.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần này là $(20\% \times 10.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.383đ$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự: $1.800.000đ - 164.383đ = 1.635.617đ$

Lần 2: Ngày 21/9/2024, Đ thông báo cho V biết việc Quân vay thêm 10.000.000đ với lãi xuất thỏa thuận như trước, V thỏa thuận và đưa cho Đ số tiền 8.200.000đ để Đ chuyển cho anh Quân vay, đã trừ tiền lãi 01 tháng đầu là 1.800.000đ. Đến nay, anh Quân chưa trả Đ 10.000.000đ tiền gốc.

Theo quy định của BLDS 2015, số tiền lãi được thu tối đa trong lần cho vay này là: $(20\% \times 10.000.000đ) : 365 \text{ ngày} \times 30 \text{ ngày} = 164.383đ$.

Số tiền V và Đ thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $1.800.000đ - 164.383đ = 1.635.617đ$

Đến nay, anh Quân còn nợ V và Đ 20.000.000đ tiền gốc vay. Tổng số tiền thu lợi bất chính để xác định trách nhiệm Hình sự là: $9.813.699đ + 1.635.617đ + 1.635.617đ = 13.084.933đ$.

Như vậy: Tổng số tiền Trần Văn V đã cho 6 trường hợp nêu trên vay là: 330.000.000 đồng, thu lời bất hợp pháp số tiền là 147.845.484 đ, trong đó Đỗ Đức Đ giúp sức cho V thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 3 trường hợp Trần Văn T, Cao Quang Đ, Hà Văn Q với số tiền cho vay là 110.000.000 đồng, thu lời bất hợp pháp số tiền là 80.509.592đ.

Tại cơ quan điều tra V, Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê toàn bộ tài khoản ngân hàng của V và Đ, kết quả phù hợp với các giao dịch nêu trên.

* Vật chứng chuyển theo hồ sơ vụ án: 01 “*Giấy vay tiền*” đứng tên Đoàn Thị H do V giao nộp. Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ quá trình điều tra, truy tố và xét xử.

* Vật chứng chuyển Cục THADS tỉnh Nam Định: 01 (Một) điện thoại Iphone Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số seri: G0NDM6ZN0D41 và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số Seri: F2LFG61S0D51 của Trần Văn V; 01 (Một) điện thoại Iphone 12 Pro Max, đã qua sử dụng, số máy: MG9F3LL/A, số IMEI: 353730391421273 của Đỗ Đức Đ.

Cáo trạng số: 104/CT-VKS-P3 ngày 29-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Văn V về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Đỗ Đức Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn V từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” ; Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s, i khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt tiền bị cáo Đỗ Đức Đ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng về tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; Đề nghị xử lý số tiền gốc, lãi vượt quá qui định theo hướng dẫn của Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017 để xử lý vật chứng theo qui định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ sau: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; kết luận giám định; biên bản đối chất; lời khai người làm chứng và các tài liệu trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2022 đến tháng 9/2024, Trần Văn V thông qua hình thức chuyển khoản cho vay tiền đã có hành vi cho 6 người, gồm: chị Đoàn Thị H SN 1969, anh Phạm Văn S SN 1993, chị Đặng Thị M SN 1980, anh Trần Văn T SN 1984, anh Cao Quang Đ SN 1988, anh Hà Văn Q SN 1993 cùng cư trú trên địa bàn huyện Giao Thủy vay tổng số tiền là 330.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 219%/năm (gấp 7,3 lần đến 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%) thu lợi bất chính thực tế số tiền là **134.845.484** đồng. Hành vi của Trần Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo qui định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

Từ tháng 6/2023 đến tháng 9/2024, Đỗ Đức Đ giúp sức V cho 3 người vay là anh Trần Văn T SN 1984, anh Cao Quang Đ SN 1988, anh Hà Văn Q SN 1993 với tổng số tiền 110.000.000đ với lãi xuất từ 146% đến 219%/năm (gấp 7,3 lần đến 10,95 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự là 20%) thu lợi bất chính số tiền là 67.509.592 đ và đã được V trả công cho Đ số tiền là 9.600.000đ. Hành vi của Đỗ Đức Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo qui định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người vay, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. HĐXX, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo; Đối với bị cáo Đỗ Đức Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. HĐXX, áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị

cáo; Bị cáo Trần Văn V có đơn đề nghị về hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình. Đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn V phạm tội hai lần trở lên. HĐXX, áp dụng điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo V.

[5] Đánh giá tính chất mức độ hành vi của các bị cáo và hình phạt: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, HĐXX sẽ quyết định hình phạt tương xứng với hành vi của từng bị cáo trong đồng phạm; Bị cáo Trần Văn V có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, mặc dù phạm tội hai lần trở lên nhưng mỗi lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Đỗ Đức Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia với vai trò giúp sức. Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Trần Văn V nhưng cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục. Đối với bị cáo Đỗ Đức Đ HĐXX quyết định áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo để bị cáo sửa chữa sai lầm và trở thành công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. HĐXX, xác định khoản tiền gốc, lãi và xử lý như sau:

[7.1] Đối với khoản tiền gốc chị Đoàn Thị H vay của Trần Văn V là 130.000.000 đồng, chị H đã trả cho V nên buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% chị H đã trả cho V là 43.530.411 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho chị H; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của chị H là 6.909.589 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.2] Đối với khoản tiền gốc anh Phạm Văn S vay của Trần Văn V là 30.000.000 đồng, anh Sơn chưa trả số tiền gốc cho V nên buộc anh Phạm Văn S phải nộp 30.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá

20% anh Sơn đã trả cho V là 11.449.316 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho anh Sơn; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của anh Sơn là 1.150.684 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.3] Đối với khoản tiền gốc chị Đặng Thị M vay của Trần Văn V là 60.000.000 đồng, chị Mai đã trả cho V 20.000.000 đồng chị Mai còn nợ 40.000.000 đồng, nên buộc chị Đặng Thị M phải nộp 40.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% chị Mai đã trả cho V là 12.356.165 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho chị Mai; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của chị Mai là 1.643.835 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.4] Đối với khoản tiền gốc anh Trần Văn T vay của Trần Văn V là 50.000.000 đồng, anh Tú đã trả cho V nên buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% anh Tú đã trả cho V là 46.246.576 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho anh Tú; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của anh Tú là 5.753.424 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.5] Đối với khoản tiền gốc anh Cao Quang Đ vay của Trần Văn V là 30.000.000 đồng, anh Đăng chưa trả tiền gốc cho V nên buộc anh Cao Quang Đ phải nộp số tiền 30.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% anh Đăng đã trả cho V là 8.178.083 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho anh Đăng; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của anh Đăng là 821.917 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.6] Đối với khoản tiền gốc anh Hà Văn Q vay của Trần Văn V là 30.000.000 đồng, anh Quân đã trả cho V tiền gốc là 10.000.000 đồng, anh Quân còn nợ 20.000.000 đồng, nên buộc anh Hà Văn Q phải nộp số tiền 20.000.000 đồng vào ngân sách nhà nước; Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% anh Quân đã trả cho V là 13.084.933 đồng, HĐXX buộc V phải trả lại cho anh Quân; Đối với khoản tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà V đã nhận của anh Quân là 1.314.797 đồng, HĐXX buộc V phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.7] Tổng hợp khoản tiền gốc, lãi và xử lý.

Tổng số tiền Trần Văn V cho chị Đoàn Thị H, anh Phạm Văn S, chị Đặng Thị M, anh Trần Văn T, anh Cao Quang Đ, anh Hà Văn Q vay là 330.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Phạm Văn S còn nợ tiền gốc của V là 30.000.000 đồng, chị Đặng Thị M còn tiền gốc của V là 40.000.000 đồng, anh Cao Quang Đ còn nợ tiền gốc của V là 30.000.000 đồng, anh Hà Văn Q còn tiền gốc của V là 20.000.000 đồng. Như vậy, tiền gốc cho vay của Trần Văn V còn lại là 210.000.000 đồng. Số tiền lãi tương ứng với lãi suất 20% mà Trần Văn V đã nhận của những người vay là **17.430.133 đồng**; Đây là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội và do phạm tội mà có nên tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước; Đối với các khoản tiền lãi vượt quá 20% mà Trần Văn V đã nhận của những người vay thì buộc V phải trả lại. Đối với nợ gốc những người vay buộc những người vay chưa trả cho V, nộp vào ngân sách nhà nước.

[7.8] Đối với số tiền 9.600.000 đồng mà Trần Văn V trả công cho Đỗ Đức Đ. Đây là tiền do phạm tội mà có nên truy thu của Đỗ Đức Đ để nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) điện thoại Iphone Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số seri: G0NDM6ZN0D41 và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số Seri: F2LFG61S0D51 của Trần Văn V; 01 (Một) điện thoại Iphone 12 Pro Max, đã qua sử dụng, số máy: MG9F3LL/A, số IMEI: 353730391421273 của Đỗ Đức Đ. Những điện thoại này không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T H vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn V, Đỗ Đức Đ phạm tội “ Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 01 Điều 52, Điều 65 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Trần Văn V 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày

tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn V đã bị tạm giam từ ngày 11/10/2024 đến ngày 14/12/2024; Giao bị cáo Trần Văn V cho UBND xã Giao Tân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt Đỗ Đức Đ số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Nghị quyết số 01/HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017

Buộc Trần Văn V phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền sử dụng cho vay là 210.000.000 đồng (hai trăm mười triệu đồng) và số tiền lãi đã nhận của những người cho vay là **17.430.133 đồng** đồng. Tổng cộng là 227.430.133 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi ba đồng).

Buộc Trần Văn V phải trả số tiền lãi vượt quá qui định của Bộ luật Dân sự cho những người sau:

Chị Đoàn Thị H số tiền 43.530.411 đồng (bốn mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)

Anh Phạm Văn S số tiền 11.449.316 đồng (mười một triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười sáu đồng)

Chị Đặng Thị M số tiền 12.356.165 đồng(mười hai triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

Anh Trần Văn T số tiền 46.246.576 đồng (bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng)

Anh Cao Quang Đ số tiền 8.178.083 đồng (tám triệu một trăm bảy tám nghìn không trăm tám mươi ba đồng)

Anh Hà Văn Q số tiền 13.084.933 đồng (mười ba triệu không trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi ba đồng)

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp tiền vào ngân sách nhà nước cụ thể:

Anh Phạm Văn S phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Chị Đặng Thị M phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng)

Anh Cao Quang Đ phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Anh Hà Văn Q phải nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi năm 2017

Trả lại cho Trần Văn V 01 (Một) điện thoại Iphone Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số seri: G0NDM6ZN0D41 và 01 điện thoại Iphone 12 Pro Max, số máy: MG93VN/A, số Seri: F2LFG61S0D51.

Trả lại cho Đỗ Đức Đ 01 (Một) điện thoại Iphone 12 Pro Max, đã qua sử dụng, số máy: MG9F3LL/A, số IMEI: 353730391421273.

Biên bản giao nhận vật chứng số 25/36 ngày 31/12/2024 giữa Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định.

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban T H vụ Quốc hội khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Trần Văn V, Đỗ Đức Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; bị cáo Trần Văn V phải nộp số tiền là 6.742.274 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKND tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Sở tư pháp Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mai Anh Tuấn